

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2025

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tâm
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Ngọc T**, sinh năm 2005. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T1, xã LB, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Võ Hiếu H**, sinh năm 2001. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp BN, xã PT, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Ngọc T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh H quen nhau do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (hiện là UBND xã PT) vào ngày 31/10/2023. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi nhau làm cho gia đình bất hòa; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và chị phát hiện anh H ngoại tình. Chị và anh H đã sống ly thân gần được nửa năm, trong thời gian ly thân hai bên có trao đổi hàn gắn tình cảm nhưng không thành

nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H chung sống có 01 con chung tên Võ Hồ Tuấn A, sinh ngày 03/7/2023, hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Hiếu H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Ngọc T. Cho chị Hồ Ngọc T được ly hôn với anh Võ Hiếu H.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Hồ Tuấn A, sinh ngày 03/7/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T xin vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2023, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc xã PT, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 31/10/2023 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của chị T: Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng

quan điểm sống và anh H ngoại tình nên thường xuyên cự cãi, anh H không còn quan tâm vợ con, hôn nhân không còn hạnh phúc; hiện anh chị đã sống ly thân và không thể hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh H nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh H mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như chị T đã nêu và điều này cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh H là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

- Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Võ Hồ Tuấn A, sinh ngày 03/7/2023. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cháu A hiện dưới 36 tháng tuổi, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống về mọi mặt; hơn nữa, anh H cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị. Do đó, việc giao các cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị T chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Vì anh H không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị T không cung cấp được chứng cứ về thu nhập hiện tại của anh H cũng như tài liệu về các khoản chi phí hàng tháng để nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định thu nhập của anh H thuộc trường hợp lao động phổ thông và xác định mức cấp dưỡng nuôi con mà anh H phải thực hiện mỗi tháng tại thời điểm hiện nay là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi anh H cư trú tương ứng 1.725.000 đồng/tháng (lương tối thiểu vùng căn cứ theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Ngọc T. Cho chị Hồ Ngọc T được ly hôn với anh Võ Hiếu H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Hồ Tuấn Anh, sinh ngày 03/7/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 1.725.000 (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng/tháng, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000451 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã PT, tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên